

BÁO CÁO

**Kết quả giám sát Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số
151/2008/NQ-HĐND, ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh Điện Biên
về Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo
tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020**

Thực hiện Nghị quyết số 358/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2015; Thông báo số 08/TB-HĐND, ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phân công thực hiện Chương trình giám sát chuyên đề năm 2015; Chương trình hoạt động 6 tháng đầu năm 2015, từ ngày 24 đến ngày 27/3/2015, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh tổ chức giám sát chuyên đề "Việc triển khai và thực hiện Nghị quyết số 151/2008/NQ-HĐND, ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh Điện Biên về Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020". Tham gia Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh có các đồng chí đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Thường trực HĐND thị xã Mường Lay.

Qua giám sát trực tiếp tại Sở Giáo dục và Đào tạo; thị xã Mường Lay và Trường Mầm non Đồi Cao, Trường Tiểu học, THCS Sông Đà; huyện Điện Biên Đông và Trường Tiểu học Na Phát, Trường PTDTBT THCS Na Son; giám sát thông qua báo cáo đối với 8 đơn vị cấp huyện còn lại và các Sở: Nội vụ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Riêng Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục thuế tỉnh không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định. Đoàn giám sát Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai

- Thực hiện Nghị quyết số 151/2008/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của HĐND tỉnh Điện Biên về "Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020", UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 14/01/2009 của UBND tỉnh về việc "Phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020" giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố; theo đó, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực chủ trì tổ chức

thực hiện quy hoạch, phối hợp cùng các cấp, các ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức phối hợp triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn toàn tỉnh.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện; chỉ đạo các phòng giáo dục, các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác triển khai tuyên truyền về quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm thực hiện. Công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, giám sát các mục tiêu, chỉ tiêu đã nêu trong Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn 2008-2015, định hướng đến năm 2020 được Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện cùng với việc kiểm tra, giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm của toàn ngành.

2. Sự phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã tích cực chủ động lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị xây dựng, triển khai, tổ chức thực hiện Quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp tích cực với ngành Giáo dục và Đào tạo nâng cao nhận thức của nhân dân về sự cần thiết phải học tập; huy động học sinh trong độ tuổi đến trường; huy động nhân lực, vật lực đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường trong các cơ sở giáo dục.

- Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện đã phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo trong việc tham mưu với UBND tỉnh cân đối, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục và đào tạo; thực hiện về công tác tổ chức cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; ban hành và triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên; thực hiện việc quy hoạch cấp đất cho các đơn vị giáo dục; tạo điều kiện cho các đơn vị giáo dục ngoài công lập phát triển; triển khai thực hiện công tác bảo hiểm y tế cho học sinh và phòng chống các bệnh học đường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát

Các mục tiêu tổng quát đã đề ra trong giai đoạn 2008-2015 của Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn 2008-2015, định hướng đến năm 2020 cơ bản đạt, một số nội dung vượt kế hoạch.

- Hệ thống trường, lớp được hoàn thiện và mở rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; một số cơ sở giáo dục ngoài công lập được thành lập

và từng bước tạo được uy tín; giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, giáo dục vùng đặc biệt khó khăn được quan tâm và đẩy mạnh; trường, lớp trọng điểm có chất lượng cao được hình thành tại các cấp học.

- Chất lượng và trình độ giáo dục đào tạo từng bước được nâng lên theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học; Đề án dạy chữ và tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông được triển khai; dạy ngoại ngữ, tin học trong các trường phổ thông được tăng cường; chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, các trường chuyên biệt, trường nội trú, bán trú từng bước được nâng lên.

- Đến nay, toàn tỉnh đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1; phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ, phổ cập giáo dục trung học cơ sở tiếp tục được củng cố duy trì và nâng cao chất lượng.

- Chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tiếp tục được nâng lên. Công tác đào tạo cán bộ khoa học có trình độ cao, cán bộ quản lý kinh doanh giỏi, cán bộ công chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số được quan tâm chú trọng.

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục cơ bản đáp ứng về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Công tác quản lý giáo dục tiếp tục được đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo được nâng cao. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong giảng dạy và quản lý giáo dục được đẩy mạnh.

- Hợp tác đào tạo với một số tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và một số trường Đại học của tỉnh Vân Nam nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tiếp tục được duy trì và phát triển.

- Hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo từng bước được đầu tư xây dựng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể¹

2.1. Về giáo dục

2.1.1. Giáo dục mầm non

- Tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt 14%/22% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 16,4%/25% (chưa đạt mục tiêu Quy hoạch).

- Tỷ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo đạt 92,6%/85% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 93,3%/89% (vượt mục tiêu Quy hoạch).

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 đạt 98,2%/96,7% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 98,4%/ 98% (vượt mục tiêu Quy hoạch).

2.1.2. Giáo dục phổ thông

- Giáo dục Tiểu học: Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt

¹ Số liệu báo cáo tính từ năm 2008 đến ngày 31/12/2014.

98,7%/99% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 99,2%/99,2% (đạt mục tiêu Quy hoạch).

- Giáo dục Trung học Cơ sở: Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 89,3%/95,5% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 90,2%/93% (chưa đạt mục tiêu Quy hoạch).

- Giáo dục Trung học Phổ thông: Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 54,5%/65% mục tiêu giao, ước thực hiện năm 2015 là 55,2%/65% (chưa đạt mục tiêu Quy hoạch).

- Giáo dục khuyết tật, giáo dục hòa nhập: Năm học 2014 - 2015, có 1.114 học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hoà nhập cộng đồng tại các cấp phổ thông; ước năm học 2015 - 2016, huy động 1.320 học sinh khuyết tật đến trường, chiếm 46,4% số học sinh khuyết tật/70% mục tiêu giao.

2.2. Về đào tạo

2.2.1. Đào tạo Cán bộ cho các cấp, các ngành của tỉnh

- Hiện nay, toàn tỉnh cán bộ chủ chốt huyện và tỉnh đạt trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đạt 95,2%/100% mục tiêu giao; cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi có trình độ cao cấp lý luận trở lên đạt 25,3%/100% mục tiêu giao; cán bộ, công chức của các cơ quan, các ngành, các lĩnh vực, có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định và có trình độ lý luận từ trung cấp trở lên đạt 25,2% (mục tiêu đến năm 2020 là 100%). Đối với thị xã, thành phố đội ngũ cán bộ có trình độ trung cấp, đại học trở lên đạt 96,4%/100% mục tiêu giao, tại các huyện đạt 93%/100% mục tiêu giao. Chưa đạt mục tiêu quy hoạch.

- Một số nội dung cụ thể phân đầu đến năm 2020, hiện nay đạt là: Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trưởng, phó phòng trở lên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đạt 89,8%/100% mục tiêu giao; đào tạo lý luận chính trị đạt 73,5%/100% mục tiêu giao, trong đó cao cấp lý luận chính trị, cử nhân đạt 25,3%/40%; bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước đạt 78%/90%; cán bộ có trình độ trên đại học ở các lĩnh vực, các ngành quan trọng đạt 8,5%/5%.

2.2.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường, thị trấn

- Tính đến 31/3/2015, toàn tỉnh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn có trình độ văn hóa trung học cơ sở trở lên đạt 95%/100% mục tiêu giao, trong đó trình độ trung học phổ thông đạt 48%/50%; cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị từ sơ cấp trở lên đạt 67%/100% mục tiêu giao; bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước đạt 51%/70% mục tiêu giao; cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn từ sơ cấp trở lên đạt 61%/100% mục tiêu giao, trong đó trình độ trung cấp và tương đương đạt 42%/70% và trình độ cao đẳng, đại học đạt 11% /5% mục tiêu giao.

- Cán bộ xã, phường có trình độ THPT tại vùng 1 đạt 70%/100%, cán bộ xã vùng 2 đạt 56%/70% và vùng 3 đạt 42%/70% mục tiêu giao. Trong đó: cán bộ chuyên trách có trình độ cao cấp lý luận đạt 1%/15%, trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên đạt 41%/20%, cán bộ công chức xã, phường, thị trấn có trình độ THCS

đạt 47,3%/100%, trình độ THPT đạt 48%/80% và trình độ trung cấp đạt 57%/60% mục tiêu giao;

- 6,1%/100% Trưởng thôn, bản và 40,4%/90-95% cán bộ không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

2.2.3. Về xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Hiện nay, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục toàn tỉnh là 16.198 người²; trong đó cấp Mầm non và Phổ thông là 15.329 người.

- Hiện nay, toàn tỉnh giáo viên đạt trình độ chuẩn hóa theo yêu cầu của cấp học đạt 98,71%/100% mục tiêu giao³; 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ chuyên môn song trình độ cao cấp lý luận của cán bộ quản lý từ Hiệu trưởng trường THPT, Phó trưởng phòng, Phó Trưởng khoa các trường Cao đẳng là 31/118 người, đạt 26,3%/35-40% mục tiêu giao; Cán bộ công chức hành chính ngành giáo dục biết một thứ tiếng dân tộc có 35/144 người đạt 24,3%/50% mục tiêu giao (chưa đạt mục tiêu Quy hoạch).

2.2.4. Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục đại học

- Hiện nay, tại các trường cao đẳng⁴ đang đào tạo 12.654 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó có 01 trường cao đẳng nghề với 1.825 học viên, 08 trung tâm dạy nghề và 01 cơ sở dạy nghề khác với 6.050 học viên.

- Hoạt động liên kết đào tạo được phối hợp tổ chức có hiệu quả đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

- Công tác đào tạo nghề được triển khai đồng bộ, đúng hướng và đạt được những kết quả, đã đào tạo nghề cho 39.980 lao động, (bình quân gần 8.000 lao động/năm); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 24,37%/35% mục tiêu giao.

2.3. Về duy trì và phát huy kết quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ⁵

Toàn tỉnh có 100% các xã, phường, thị trấn được công nhận và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Năm 2014 toàn tỉnh có

²Trong đó: Cấp mầm non 3.854 người (Cán bộ quản lý: 467 người, giáo viên: 2.659 người, nhân viên: 728 người); Cấp Tiểu học 6.201 người (Cán bộ quản lý: 466 người, giáo viên: 4.831 người, nhân viên: 904 người); Cấp THCS 3.657 người (Cán bộ quản lý: 275 người, giáo viên: 2.604 người, nhân viên: 778 người); Cấp THPT (Cán bộ quản lý: 94 người, giáo viên: 1.177 người, nhân viên: 346 người); Cao đẳng chuyên nghiệp 535 người; Trung tâm GDTX 162 người; Trung tâm KTTH-HN 35 người; TT Ngoại ngữ 17 người; TT Dạy nghề 120 người.

³Trong đó: trình độ đạt chuẩn trở lên của giáo viên mầm non đạt 100%; giáo viên tiểu học đạt 99,93 %; giáo viên THCS đạt 96,12 %; giáo viên THPT đạt 97,3 % và giáo viên GDTX đạt 90,8 %. Số giáo viên có trình độ dưới chuẩn là giáo viên tiểu học thuộc đối tượng đào tạo hệ sơ cấp (9+1, 7+2) đã sắp đến tuổi nghỉ hưu nên bản thân không có nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; giáo viên THCS, THPT dưới chuẩn là giáo viên các môn đặc thù (Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục).

⁴Toàn tỉnh có 04 trường cao đẳng: Sư phạm, Y tế, Kinh tế - Kỹ thuật và Cao đẳng Nghề.

⁵Năm 2000 tỉnh đã đạt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, đến nay tiếp tục duy trì vững chắc kết quả đã đạt được, chất lượng phổ cập được nâng lên so với thời điểm công nhận đạt chuẩn. Năm 2008, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn phổ PC GDTHCS, năm 2010 được công nhận đạt chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi mức độ 1, năm 2014 được công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi.

107/130 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, kế hoạch đến cuối năm 2015, 130/130 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

2.4. Nâng tỷ lệ phòng học kiên cố

Đến nay, toàn tỉnh đã có 4.201/7.188 phòng học kiên cố⁶, đạt 58,44%/80% mục tiêu giao.

2.5. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục

Hiện nay, toàn tỉnh đã có 04 trường ngoài công lập⁷ với 16 lớp và 316 học sinh, trong đó mầm non có 03 trường với 09 lớp, nhóm và 154 trẻ; 01 trường tiểu học và THCS có 07 lớp và 162 học sinh.

3. Việc thực hiện các nội dung của quy hoạch

3.1. Phát triển mạng lưới giáo dục

- Quy mô trường lớp được củng cố và phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc trong tỉnh nhất là tại các xã, bản đặc biệt khó khăn. Tính đến 31/3/2015, toàn tỉnh có 498 trường từ mầm non đến phổ thông⁸ (không bao gồm trường Chính trị tỉnh, trường Quân sự tỉnh và các trường chuyên nghiệp, dạy nghề); tổng số trường đạt chuẩn quốc gia tăng 63 trường so với năm học 2013-2014⁹. 100% các xã, phường, thị trấn đều có trường học từ mầm non đến THCS; trung tâm cụm xã có 01 trường phổ thông; 8/10 huyện có trường DTNT (trừ Thị xã Mường Lay, TP Điện Biên Phủ); 7/10 huyện có trung tâm giáo dục thường xuyên (trừ Thị xã Mường Lay, TP Điện Biên Phủ và huyện Nậm Pồ); Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp tỉnh được củng cố và phát triển. 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng; toàn tỉnh có 02 trung tâm ngoại ngữ, tin học¹⁰.

- Hệ thống các trường chuyên nghiệp và dạy nghề của tỉnh được củng cố, duy trì và phát triển theo hướng mở rộng các hình thức đào tạo đa ngành, đa nghề, đa hệ; bên cạnh đó công tác liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục ngoại tỉnh cũng được tăng cường. Mục tiêu đào tạo phải gắn với cơ cấu ngành nghề đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển xã hội của tỉnh được xác định. Công tác nâng cấp trường chuyên nghiệp được chú trọng¹¹.

⁶ Còn 1.541 phòng bán kiên cố, 1.536 phòng tạm.

⁷ Trường mầm non: Ánh Thu, Rainbow, SOS và Trường tiểu học và THCS Hermann Gmeiner.

⁸ Trong đó: Trường mầm non là 167/156, trường Tiểu học là 175/172, Trường THCS 114/138, Trường THPT 31/32 so với mục tiêu đề ra.

⁹ Tổng số trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn Quốc gia năm học 2014-2015 là 225/499 trường, tăng 63 trường so với năm học 2013 - 2014.

¹⁰ Trung tâm tin học – ngoại ngữ của tỉnh, thành lập năm 2008 ; trung tâm Anh ngữ GLOBAL (trung tâm dân lập), thành lập năm 2014.

¹¹ Trường Trung học Y tế Điện Biên: năm 2009 được nâng cấp thành trường Cao đẳng Y tế Điện Biên. Trường Dạy nghề tỉnh: nâng cấp thành trường Trung học Dạy nghề tỉnh Điện Biên vào năm 2008. Tiếp tục nâng cấp trường Trung cấp Nghề tỉnh Điện Biên thành trường Cao đẳng nghề vào năm 2011. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 08 trung tâm dạy nghề và 01 cơ sở dạy nghề khác. Đề án thành lập trường đại học Điện Biên trên cơ sở sáp nhập trường Cao đẳng Sư phạm và trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Điện Biên đã hoàn thiện và đang trình UBND tỉnh thông qua để trình Chính phủ xem xét phê duyệt.

3.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông từng bước được đảm bảo.

- Giáo dục mầm non: Đảm bảo yêu cầu chăm sóc nuôi dạy trẻ một cách khoa học, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng cao. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm; tỷ lệ trẻ phát triển tăng trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn toàn tỉnh.

- Giáo dục phổ thông: Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm; việc tổ chức cho học sinh dân tộc thiểu số được học chương trình tiếng Việt trước khi vào lớp 1 và được tăng cường tiếng Việt ở tiểu học được duy trì. Việc học ngoại ngữ, tin học tại một số trường tiểu học được triển khai và bước đầu đạt hiệu quả. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ ngày tăng. Tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi từng bước được nâng lên gắn với dạy thực chất, học thực chất, chống bệnh thành tích trong giáo dục. Công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; trung học phổ thông vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề trong và ngoài tỉnh được thực hiện tốt. Giáo dục, học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, học tập quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được triển khai rộng khắp. Hoạt động giáo dục pháp luật, an toàn giao thông; giáo dục thể chất, quốc phòng; giáo dục lịch sử truyền thống Điện Biên cho học sinh, sinh viên được triển khai nghiêm túc.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, năng lực quản lý chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được các cấp các ngành đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện và đã đạt được những kết quả tích cực; trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được nâng cao. 100% cán bộ quản lý trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn về trình độ chuyên môn.

3.3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được chú trọng; số cán bộ giáo viên các cấp học ngày càng tăng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn được quan tâm.

- Hiện nay, tại các trường Cao đẳng: Sư phạm, Y tế, Kinh tế - Kỹ thuật và Cao đẳng Nghề cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 535 người, gồm các trình độ: 02 tiến sỹ, 178 thạc sỹ, 245 đại học, 57 cao đẳng, 53 trình độ khác.

3.4 Đảm bảo thực hiện công bằng trong giáo dục

- Nhận thức về phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bào các dân tộc, vùng khó khăn, tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em gái được ra lớp, trẻ em khuyết tật được tham gia hòa nhập cộng đồng để giảm bớt sự bất bình đẳng giữa khu vực thành thị và vùng sâu, vùng xa, hạn chế sự bất bình đẳng về giới và những khó khăn trong việc huy động trẻ em gái là người dân tộc thiểu số ra lớp, ngành Giáo dục đã tăng cường chỉ đạo các nhà trường phối hợp

với chính quyền địa phương, các đoàn thể, hội cha mẹ học sinh... tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về thực hiện công bằng trong giáo dục.

- Ngành giáo dục đã tích cực tham mưu với UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện nhiều Đề án nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc các dân tộc¹². Bên cạnh đó, Ngành chỉ đạo tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Triển khai tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, các chính sách hỗ trợ học sinh theo đúng quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương¹³.

3.5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục và ngân sách

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục được tỉnh quan tâm đầu tư thông qua việc huy động, lồng ghép nhiều nguồn vốn. Một số trường học được đầu tư xây dựng phòng học chức năng, phòng đọc, phòng thí nghiệm, thực hành, ... Số trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học ngày càng tăng¹⁴.

- Công tác quy hoạch đất, giao đất cho các trường học theo hướng xây dựng trường chuẩn quốc gia được triển khai thực hiện. Song công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục chưa được quan tâm.

- Ngân sách chi cho giáo dục và đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu, nguồn ngân sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo được tăng cường. Cơ chế quản lý tài chính có sự đổi mới, phù hợp.

3.6. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục

- Công tác xã hội hoá giáo dục luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về sự tham gia của toàn xã hội vào phát triển sự nghiệp giáo dục được đẩy mạnh và ngày càng thu được nhiều kết quả.

- Các hoạt động xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phát triển ngày càng sâu rộng trong nhân dân; có nhiều tổ chức doanh nghiệp ủng hộ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất như phòng nội trú, phòng học, bếp ăn, phòng công vụ¹⁵.

¹² Đề án dạy chữ và tiếng dân tộc cho học sinh các trường phổ thông giai đoạn 2010 – 2015; kế hoạch triển khai Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 – 2015 và đến năm 2020.

¹³ Chính sách hỗ trợ trẻ mầm non (Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/12/2011 và Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010); Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú (Quyết định 85/2010/QĐ-TTg); Chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người (Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010); Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập (Nghị định số 49/2010/QĐ-TTg và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP); Chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg); Chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg); Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

¹⁴ Toàn tỉnh hiện có 225/499 trường; Cấp mầm non 65/75 trường, Tiểu học 86/85 trường, THCS 60/56 trường, THPT 14/7 trường so với mục tiêu đề ra.

¹⁵ Điển hình những năm gần đây: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Vietinbank, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Tổng công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổ chức Minors và tổ chức tầm nhìn thế giới, Tập đoàn Tân Tạo thành phố Hồ Chí

4. Nguồn kinh phí và Kết quả thực hiện

- Nguồn vốn huy động: dự kiến 80% từ ngân sách nhà nước, 15% từ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và 5% từ sự đóng góp của nhân dân. Thực tế thực hiện chủ yếu là từ nguồn ngân sách nhà nước; kinh phí huy động đóng góp của nhân dân chưa đạt 1%.

- Kết quả thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2015 là **12.372.485** triệu đồng/**3.435.710** triệu đồng kế hoạch giao, tăng **260%**. Trong đó: Chi đầu tư **1.062.200** triệu đồng/**844.045** triệu đồng kế hoạch giao; chi thường xuyên **11.310.285** triệu đồng/**2.591.665** triệu đồng kế hoạch giao (chi tiết tại biểu phụ lục 1).

- Kinh phí thực hiện chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2015 tại địa phương đạt 360% (tăng 260%) so với dự kiến. Mức tăng qua các năm từ 217%-302%, trong đó: chi đầu tư tăng bình quân 26%, chi sự nghiệp tăng 337%. Nguyên nhân do những năm qua Chính phủ ban hành nhiều chế độ chính sách mới, như: chế độ về tiền lương (tăng mức lương cơ sở, tăng chế độ phụ cấp thâm niên giáo viên, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ...); chính sách an sinh xã hội (hỗ trợ tiền ăn trưa cho các cháu mầm non từ 3-5 tuổi, chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người, hỗ trợ học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông học bán trú, các trường bán trú, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí cho học sinh nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, ...).

5. Kết quả thực hiện các Chương trình ưu tiên đầu tư

Thực hiện các Chương trình ưu tiên đầu tư bước đầu đạt một số kết quả, song do thiếu nguồn lực nên một số chương trình như: Chương trình phát triển xã hội hoá giáo dục; Chương trình hiện đại hoá cơ sở vật chất trường học; Các công trình ưu tiên đầu tư xây dựng cơ bản chưa đạt tiến độ quy hoạch.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2008-2015, định hướng đến năm 2020 đã tạo chuyển biến quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh; nhận được sự đồng thuận, quan tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 151/2008/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của HĐND tỉnh được tiến hành nghiêm túc, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và tình hình giáo dục - đào tạo của tỉnh và từng địa phương cụ thể.

- Các chỉ tiêu cơ bản về quy mô mạng lưới trường lớp; tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp, trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ 6-10

tuổi học tiểu học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS; tỷ lệ cán bộ quản lý ngành giáo dục đạt chuẩn về trình độ chuyên môn; tiến độ phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục các cấp học; kết quả thực hiện phân kỳ các nguồn vốn,... đều đạt và vượt mục tiêu của quy hoạch.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành từng bước được nâng lên dần đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, đặc biệt đối với cán bộ, công chức cấp xã được khuyến khích, tạo điều kiện đi học nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị.

- Công tác xã hội hóa giáo dục và hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, vị trí tầm quan trọng của giáo dục được chú trọng.

- Các kiến nghị sau giám sát của Ban Văn hóa - xã hội HĐND tỉnh tại Báo cáo số 13/BC-VHXXH ngày 18/5/2011 cơ bản đã được các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp thu và triển khai thực hiện. Cụ thể: Tại kỳ họp thứ 6, khóa XIII, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị Quyết số 295/2012/NQ-HĐND ngày 8/12/2012 Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi học và chính sách thu hút những người có trình độ cao trên địa bàn tỉnh Điện Biên, thay thế Nghị quyết số 98/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh khóa XII về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức đi học; UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và đào tạo tích cực phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh việc xây dựng trường chuẩn quốc gia; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy và học đặc biệt là đối tượng học sinh mầm non; Sở Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố...

2. Những tồn tại, hạn chế

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục tại một số địa phương chưa được quan tâm thực hiện (Thị xã Mường Lay: 3/13 trường; Thành phố Điện Biên Phủ 26/35 trường được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Cấp ủy, chính quyền huyện Điện Biên Đông chưa triển khai xây dựng quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn đến năm 2020 của địa phương phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

- Một số chỉ tiêu đạt tỷ lệ thấp như: tỷ lệ cán bộ, công chức các cơ quan, các ngành, các lĩnh vực có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo quy định và có trình độ lý luận từ trung cấp trở lên đạt 25,2% (mục tiêu giao 100%); tỷ lệ cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi có trình độ cao cấp lý luận trở lên đạt 25,3% (mục tiêu giao 100%); Tỷ lệ cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn có trình độ cao cấp lý luận đạt 1% (mục tiêu giao 15%); có trình độ THCS đạt 47,3% (mục tiêu giao 100%), trình độ THPT đạt 48% (mục tiêu giao 80%); Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt 14% (mục tiêu giao 25%); tỷ lệ học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập tại các cấp phổ thông đạt 46,4% (mục tiêu giao 70%); Tỷ lệ trưởng thôn, bản được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đạt 6,1% (mục tiêu giao 100%) và cán bộ không chuyên trách được đào tạo, bồi

đường lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đạt 40,4% (mục tiêu giao 90-95%).

- Tỷ lệ phòng học tạm, mượn còn cao (1.528 phòng chiếm 21,1%); nhà ở học sinh nội trú dân nuôi còn thiếu.

- Chất lượng cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1 Nguyên nhân khách quan

- Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn; là tỉnh miền núi, đa dân tộc nên còn tồn tại nhiều phong tục tập quán lạc hậu.

- Nguồn kinh phí đầu tư sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách Trung ương.

- Hệ thống cơ sở vật chất trường lớp học còn thiếu...ảnh hưởng đến chất lượng và mục tiêu của quy hoạch.

3.2 Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo và phân công nhiệm vụ của UBND tỉnh; chưa quan tâm đến việc nghiên cứu văn bản và đầu tư cho công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, quyết định của HĐND, UBND tỉnh; việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ sơ cấp lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ trưởng thôn, bản chưa được quan tâm.

- Một số chỉ tiêu đặt ra cao, chưa sát với điều kiện thực tế nên ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả triển khai các mục tiêu của quy hoạch tại đơn vị, địa phương (như chỉ tiêu về tỷ lệ cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi và cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn có trình độ cao cấp lý luận trở lên).

- Sở Tài nguyên và Môi trường chưa phối hợp tốt với chính quyền cơ sở triển khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn.

- Công tác phối kết hợp trong triển khai thực hiện các mục tiêu của quy hoạch giữa một số Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên. Công tác sơ, tổng kết đánh giá giai đoạn triển khai chưa quan tâm thực hiện.

- Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở còn hạn chế và nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ; mới tập trung xây dựng phòng công vụ, phòng học.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương

- Ưu tiên, tăng nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án của Chính phủ đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên; đặc biệt là đầu tư nhà lớp học, nhà ở và các công trình phụ trợ cho các cơ sở giáo dục có học sinh bán trú.

- Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2016-2020.

2. Kiến nghị với HĐND tỉnh

Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết 151/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế.

3. Kiến nghị với UBND tỉnh

- Tiến hành tổ chức Hội nghị tổng kết giai đoạn thực hiện quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên từ năm 2008 - 2015 làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tiếp theo.

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, chính quyền các địa phương rà soát, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường, điểm trường và dành quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục theo tiêu chí chuẩn quốc gia.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch.

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, cấp ủy chính quyền các cấp tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục và đào tạo; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo với HĐND – UBND tỉnh theo quy định.

3. Kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy hoạch giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

4. Kiến nghị với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Hàng năm, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ sơ cấp lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ trưởng thôn, bản.

- Chỉ đạo cấp ủy chính quyền cơ sở tăng cường, phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn trong công tác xã hội giáo dục, trong việc huy động, vận động nhân dân các dân tộc cho trẻ đến trường, đặc biệt là trẻ em gái dân tộc thiểu số và trẻ em ở vùng cao, vùng khó khăn, biên giới.

- Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức Hội nghị tổng kết việc thực hiện quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2008 - 2015 làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo giai đoạn tiếp theo đúng điều kiện thực tế của địa phương để phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

Trên đây là báo cáo giám sát chuyên đề "Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 151/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020" của Ban VH - XH HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; KH & ĐT; Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực UBMT tổ quốc tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Nội vụ; Y tế; Kế hoạch - Đầu tư; Tài nguyên - Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục thuế tỉnh;
- Thành viên Ban VH-XH; Thành viên đoàn giám sát;
- TT HĐND - UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HDND tỉnh⁶;
- Lưu: VT; Ban VHXH.

**TM. BAN VĂN HÓA XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Chương



TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Kèm theo Báo cáo số: 08/BC-VHXXH ngày 8/5/2015 của Ban Văn hóa - xã hội HĐND tỉnh)

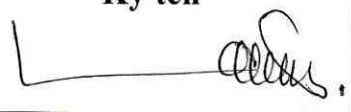
Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	Giai đoạn 2011 - 2015			Năm 2011			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015		
	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Thực hiện	% TH/KH	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Ước thực hiện	% UTH/KH	Kế hoạch (QĐ 31/QĐ-UBND)	Dự toán giao tại QĐ 994 ngày 15/12/2014	% DT/KH
Tổng số	3,435,710	12,372,485	360%	560,233	1,775,293	317%	708,222	2,694,485	380%	752,093	2,611,704	347%	671,427	2,696,634	402%	743,735	2,594,369	349%
- Chi đầu tư	844,045	1,062,200	126%	90,598	326,593	360%	220,877	439,533	199%	234,610	139,994	60%	130,045	100,930	78%	167,915	55,150	33%
- Chi sự nghiệp	2,591,665	11,310,285	436%	469,635	1,448,700	308%	487,345	2,254,952	463%	517,483	2,471,710	478%	541,382	2,595,704	479%	575,820	2,539,219	441%
I. Nguồn ngân sách nhà nước	3,435,710	12,256,770	357%	560,233	1,770,351	316%	708,222	2,672,815	377%	752,093	2,552,964	339%	671,427	2,679,271	399%	743,735	2,581,369	347%
- Chi đầu tư (1)	844,045	1,012,211	120%	90,598	325,601	359%	220,877	432,094	196%	234,610	98,436	42%	130,045	100,930	78%	167,915	55,150	33%
- Chi sự nghiệp	2,591,665	11,244,559	434%	469,635	1,444,750	308%	487,345	2,240,721	460%	517,483	2,454,528	474%	541,382	2,578,341	476%	575,820	2,526,219	439%
II. Nguồn huy động đóng góp	0	115,715		0	4,942		0	21,670		0	58,740		0	17,363		0	13,000	
- Chi đầu tư	0	49,989			992			7,439			41,558							
- Chi sự nghiệp	0	65,726			3,950			14,231			17,182			17,363			13,000	

* Ghi chú: (1) Bao gồm vốn đầu tư nước ngoài cho các công trình, dự án được Trung ương hỗ trợ. Dự toán 2015 chưa bao gồm chi đầu tư từ các mục tiêu, nhiệm vụ khác do Trung ương bổ sung có mục tiêu.

PHIẾU TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN

Kính gửi: Lãnh đạo Ban VH - XH HĐND tỉnh

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh trình duyệt văn bản: Báo cáo	
- v/v Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 151/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020	
2. Chuyên viên soạn thảo: Nguyễn Thị Dung,	
3. Lãnh đạo phòng thẩm định Yêu cầu phải Bổ sung số liệu tại 2.2.1; 2.2.2 để đúng như đề nghị. (Tung 4.)	Ngày 24 tháng 5 năm 2015 Ký tên 
4. Ý kiến thẩm định của Lãnh đạo VP	Ngày 7 tháng 5 năm 2015 Ký tên 
5. Ý kiến của lãnh đạo các Ban HĐND	Ngày tháng năm 2015 Ký tên 
6. Ý kiến phê duyệt của Thường trực HĐND tỉnh	Ngày tháng năm 2015 Ký tên
7. Số lượng bản in	
8. Văn bản chuyển đến các đơn vị, cá nhân	
9. Người gửi văn bản	